

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi nhà đầu tư đánh giá lại mức độ ảnh hưởng của căng thẳng giữa Nga và Ukraine

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

HPG, MWG

[Cập nhật công ty]

VHM, DPM, HPG

[Quan điểm đầu tư]

NĐT được khuyến nghị tiếp tục quay vòng chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn tại vùng cản kế tiếp của các mã mục tiêu.

23/2/2022

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,512.30	+0.59
VN30	1,538.83	+0.42
HĐTL VN30F1M	1,529.30	+0.78
HNXIndex	442.54	+1.87
HNX30	797.67	+2.77
UPCoM	113.51	+0.44
USD/VND	22,831	+0.09
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.23	-1
Lãi suất qua đêm (%)	2.51	+9
Dầu (WTI, \$)	91.50	-0.92
Vàng (LME, \$)	1,892.22	-0.34



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,512.30 (+0.59%)
KLGD (triệu CP) 694.7 (-17.4%)
GTGD (triệu US\$) 980.9 (-20.8%)

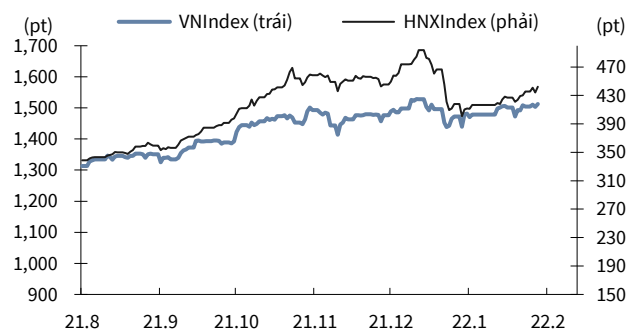
HNXIndex 442.54 (+1.87%)
KLGD (triệu CP) 113.0 (-5.4%)
GTGD (triệu US\$) 140.7 (-11.3%)

UPCoM 113.51 (+0.44%)
KLGD (triệu CP) 88.1 (+5.2%)
GTGD (triệu US\$) 85.3 (+20.5%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +6.5

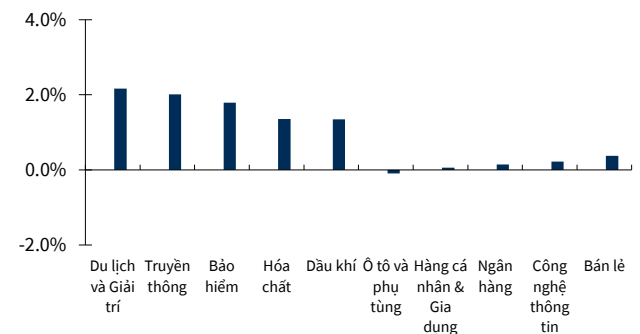
TTCK Việt Nam tăng điểm, tương đồng với diễn biến thị trường chứng khoán thế giới sau khi nhà đầu tư đánh giá lại mức độ ảnh hưởng của căng thẳng giữa Nga và Ukraine. Đại diện Cục Hàng hải VN cho biết khối lượng hàng hóa thông qua cảng biển tháng 1 năm 2022 đạt gần 45 triệu tấn, tăng 4% YoY và khối lượng hàng hóa thông qua cảng phước tiện thủy nội địa đạt 19.1 triệu tấn, tăng nhẹ 1% so với cùng kỳ năm 2021 giúp cổ phiếu cảng biển tăng giá ở SGP (+1.7%). Theo Bloomberg, nhiều chuyên gia đồng loạt dự báo giá dầu sẽ vượt mốc 100 USD/thùng trong năm nay và duy trì ở mức cao khi nguồn cung dầu mỏ trên thế giới sẽ khó tăng thêm và Đức đã thông báo dừng dự án đường ống dẫn khí đốt từ Nga Nord Stream 2 trị giá 11 tỷ USD tác động tích cực đến cổ phiếu ngành dầu khí ở PVS (+9.9%), BSR (+4.5%). Cổ phiếu ngành thép tăng giá HSG (+2.1%), HPG (+0.6%) trước thông tin giá thép tiếp tục tăng mạnh trong 2 tháng đầu năm 2022. Khối ngoại mua ròng ở DXG (+4.1%), VJC (+3.8%), VHM (+0.1%).

VNIndex & HNXIndex



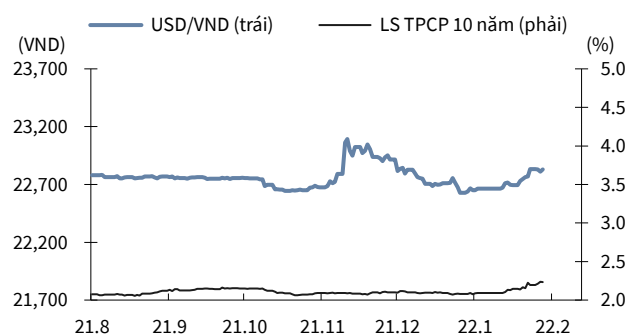
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

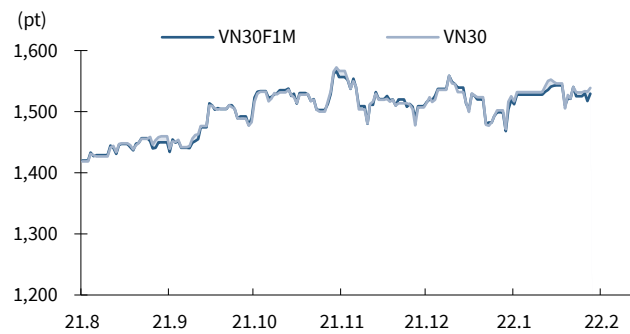
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,538.83 (+0.42%)
VN30F1M	1,529.3 (+0.78%)
Mở cửa	1,526.1
Cao nhất	1,535.0
Thấp nhất	1,524.4

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến thị trường cơ sở. Chênh lệch F2203 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -7.05 điểm, sau đó giảm mạnh xuống -12.9 điểm và duy trì ở mức âm với biên độ rộng với tâm lý nghi ngờ của nhà đầu tư trước đà tăng mạnh của thị trường cơ sở và đóng cửa tại mức -9.52 điểm. Khối ngoại mua ròng trong phiên hôm nay với thanh khoản thị trường giảm mạnh.

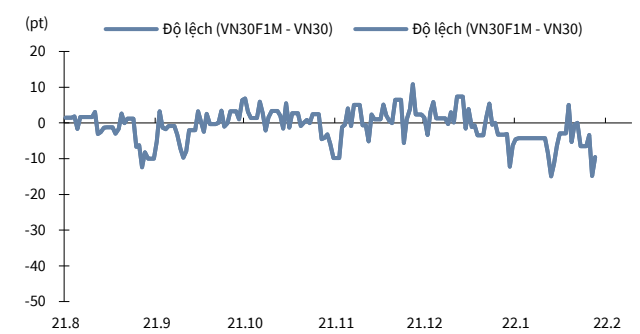
KLGD (HĐ) **117,814 (-33.7%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



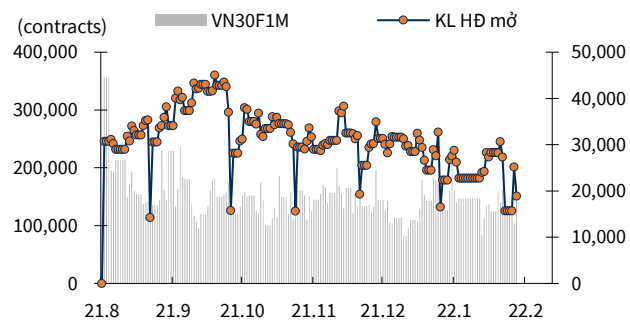
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



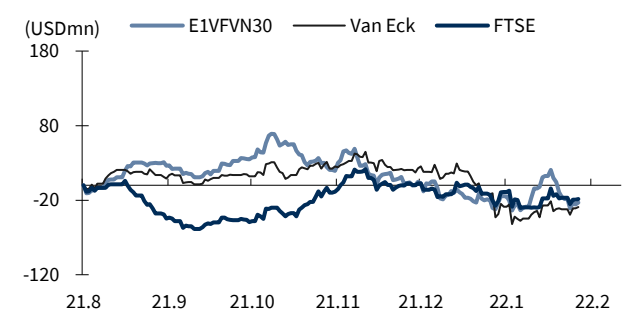
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

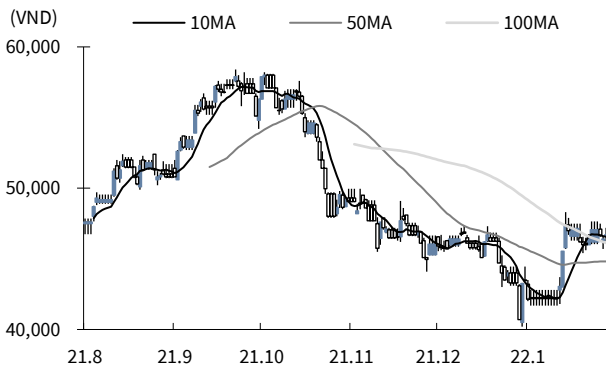
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

Tập đoàn Hoà Phát (HPG)

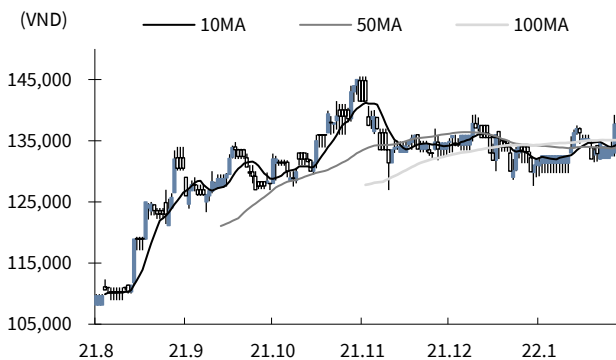


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- HPG tăng 0.65% lên 46,700 VND/cp

- Tập đoàn Hoà Phát công bố tăng góp vốn cho Công ty cổ phần Phát triển Bất động sản Hòa Phát thêm 3,300 tỷ đồng để tăng vốn từ 2,700 tỷ đồng lên 6,000 tỷ đồng, tương ứng tỷ lệ sở hữu 99.93% lên 99.97%. Thời điểm góp vốn không muộn hơn 28/2.

Thế giới Di động (MWG)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- MWG tăng 0.07% lên 137,800 VND/cp

- Đầu tư Thế Giới Di Động thông qua phương án phát hành hơn 19.2 triệu cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP), tương ứng 2.696% tổng số cổ phiếu đang lưu hành. Trong đó gần 1.4 triệu cổ phiếu cho Ban điều hành, cán bộ quản lý chủ chốt của tập đoàn và các công ty con dựa vào kết quả kinh doanh năm 2020 đợt 2 và 17.8 triệu cổ phiếu còn lại phát hành cho Ban điều hành và cán bộ quản lý chủ chốt của MWG và công ty con dựa theo kết quả kinh doanh năm 2021.

- Lượng cổ phiếu ESOP trên sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong vòng 4 năm; mỗi năm sẽ có 25% số cổ phần đã mua được phép chuyển nhượng tự do và thời gian thực hiện dự kiến trong tháng 3 và tháng 4.

CTCP Vinhomes (VHM)

Kỳ vọng từ mở bán các dự án mới

22/02/2022

 Chuyên viên phân tích Phạm Hoàng Bảo Nga
 ngaphb@kbsec.com.vn

Vinhomes tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu thị trường Bất động sản (BDS)

Vinhomes tiếp tục duy trì vị thế dẫn đầu phân khúc BĐS nhà ở với thị phần trong phân khúc căn hộ ở tất cả các phân khúc trong giai đoạn 2016-2021 lên tới 27%, cao hơn so với doanh nghiệp đứng thứ 2 là 4%. Vinhomes hiện đang sở hữu quỹ đất lên tới 168 triệu m² sàn giúp đảm bảo tăng trưởng lợi nhuận và giữ vững thị phần trong các năm tới.

Hoàn thành việc bán hàng tại ba dự án và mở bán ba dự án mới là Dream City, Wonder Park và Cổ Loa

Ba đại dự án Ocean Park và Grand Park được kỳ vọng sẽ sớm hoàn thành việc bán hàng trong năm 2022. Trong khi đó, ba dự án lớn mới là Wonder Park, Dream City và Cổ Loa dự kiến sẽ được mở bán vào năm 2022 với phần lớn là các sản phẩm thấp tầng có tiềm năng tăng giá tốt. Tổng giá trị hợp đồng ký mới trong năm 2022 và 2023 ước tính lần lượt đạt 88 nghìn tỷ VND (+11%YoY) và 98 nghìn tỷ VND (+11%YoY).

Kết quả kinh doanh tiếp tục duy trì đà tăng trưởng

Kết quả kinh doanh duy trì đà tăng trưởng trong các năm tới. Chúng tôi ước tính lợi nhuận sau thuế năm 2022 của VHM đạt 44,372 tỷ VND (+11%YoY). Cho năm 2022, lợi nhuận sau thuế đạt 48,822 tỷ VND (+12%YoY).

Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 107,800VND/cổ phiếu

Dựa trên triển vọng kinh doanh và định giá, chúng tôi tiếp tục đưa ra khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu Vinhomes với giá mục tiêu là 107,800/cp, cao hơn 36% so với giá đóng cửa ngày 22/02/2022.

Rating change

Giá mục tiêu 107,800VND

Tăng/giảm (%)	36%
Giá hiện tại (20/02/2022)	79,300VND
Giá mục tiêu đồng thuận	102,000VND
Vốn hóa thị trường (nghìn tỷ VND/USD)	345.3/15.1

Dự phóng KQKD & định giá

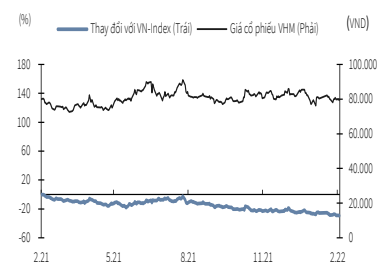
FY-end	2019A	2021A	2022A	2023F
Doanh số thuần (tỷ VND)	71,547	85,094	125,252	134,159
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VND)	37,306	48,164	56,034	62,845
Lợi nhuận của CB công ty mẹ (tỷ VND)	27,351	39,017	43,466	48,822
EPS (VND)	6,493	8,166	9,982	11,212
Tăng trưởng EPS (%)	52	26	22	12
P/E (x)	12.21	9.71	7.94	7.07
P/B (x)	4.74	3.10	2.14	1.64
ROE (%)	39	36	27	24
Tỷ suất cổ tức (%)	0	6	1	0

Dữ liệu giao dịch

Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	22.6%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND, triệu USD)	508.8/22.3
Sở hữu nước ngoài (%)	26.1%
Cổ đông lớn	Vingroup (66.66%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-4	-6	-10	-1
Tương đối	-4	-7	-20	-29



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Đạm Phú Mỹ (DPM)

Cán đích sớm

23/02/2022

 Chuyên viên phân tích Thái Hữu Công
 Congth@kbsec.com.vn

4Q2021, LNST đạt 1,668.2 tỷ VND, tăng 1,468.5% YoY

4Q2021, DPM có kết quả kinh doanh tăng trưởng ấn tượng với doanh thu thuần đạt 5,086 tỷ VND, tăng 163.5% YoY với động lực tăng trưởng chính đến từ giá phân bón tăng cao và hưởng lợi từ chính sách hạn chế xuất khẩu của các nước sản xuất phân bón lớn.

Kì vọng hoàn thành sớm kế hoạch đề ra trong năm 2022

Là một trong số những doanh nghiệp trúng gói thầu 130 nghìn tấn ure xuất khẩu sang Ấn Độ, chúng tôi dự kiến DPM sẽ thu về khoản lợi nhuận từ 1,000-1,100 tỷ đồng và hoàn thành kế hoạch lợi nhuận năm 2022 ngay trong quý 1.

Tuy nhiên, giá phân ure được dự báo diễn biến kém tích cực trong trung hạn

Với nhu cầu về phân bón dự báo đi ngang trong năm 2022 và kịch bản giá dầu thô 65 USD/thùng, giá phân ure dự kiến sẽ giao dịch quanh ngưỡng 400 USD/tấn, tương đồng với diễn biến giai đoạn 2012-2013.

Khuyến nghị **NẮM GIỮ**, giá mục tiêu 49,100 VND/cp

Dựa trên kết quả định giá, triển vọng kinh doanh cũng như xem xét các yếu tố rủi ro có thể phát sinh, chúng tôi khuyến nghị **NẮM GIỮ** đối với cổ phiếu DPM. Giá mục tiêu là 49,100 VND/cp, cao hơn 3.6% so với giá đóng cửa tại ngày 22/02/2022.

Rating change

Giá mục tiêu 49,100

Tăng/Giảm	3.6%
Giá hiện tại (22/02/2022)	47,400
Vốn hóa thị trường (Tỷ VND)	19,212.75

Dữ liệu giao dịch

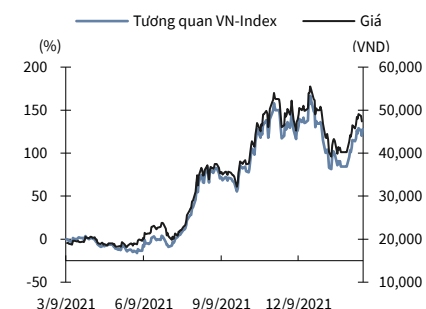
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	40%
GTGD TB 3 tháng (tỷ VND/triệu USD)	229/10
Sở hữu nước ngoài (%)	8.77
Cơ cấu cổ đông	Tập đoàn dầu khí Việt Nam (100%)

Biến động giá cổ phiếu

(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	19	9	39	158
Tương đối	16	1	26	128

Dự phóng KQKD & định giá

Cuối năm tài chính	2021A	2022F	2023F	2024F
Doanh thu thuần (Tỷ VND)	12,786.14	11,735.00	10,870.67	10,687.97
Tốc độ tăng trưởng (%)	65%	-8%	-7%	-2%
Lợi nhuận gộp (tỷ VND)	4,785.54	3,520.50	2,717.67	2,671.99
Biên lợi nhuận gộp (%)	37.43%	30.00%	25.00%	25.00%
Lợi nhuận ròng (tỷ VND)	3,170.94	2,125.28	1,517.61	1,492.10
Tốc độ tăng trưởng (%)	352%	-33%	-29%	-2%
EPS (VND)	7,747	5,476	3,920	3,854
ROE	21%	16%	16%	16%
P/E	4.8	9.0	12.5	12.7
P/B	1.4	2.0	2.0	2.0



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

CTCP Tập đoàn Hòa Phát (HPG)

Đầu tư công là động lực tăng sản lượng tiêu thụ

Chuyên viên phân tích Năng lượng và Vật liệu xây dựng
 Nguyễn Ngọc Hiếu
 hieunn@kbsec.com.vn

23/02/2022

Doanh thu thuần, lợi nhuận 4Q2021 của Hòa Phát tăng mạnh so với cùng kỳ, tuy nhiên giảm so với 3Q2021

Sản lượng thép thô của Trung Quốc trong 4Q2021 giảm 16.2% so với cùng kỳ

Đầu công tư sẽ được ưu tiên đẩy mạnh bởi Chính phủ trong năm 2022

Giá thép trong nước điều chỉnh tăng giá do áp lực giá nguyên vật liệu đầu vào tăng cao cũng như nhu cầu trong nước tăng mạnh

Chúng tôi khuyến nghị MUA cổ phiếu HPG với giá mục tiêu 56.700 VNĐ/CP

Doanh thu và lợi nhuận quý 4 của Tập đoàn Hòa Phát đạt lần lượt là 44.710 tỷ đồng (+90% YoY), và 7.419 tỷ đồng (+59.2% YoY). Trong kỳ, sản lượng tiêu thụ thép xây dựng đạt 1.091.000 tấn (+19.5% YoY) tăng trưởng tốt trong bối cảnh các biện pháp giãn cách được nới lỏng. Sản lượng tiêu thụ thép cuộn cán nóng đạt 623.000 tấn (+37.5% YoY).

Trong quý 4, sản lượng sản xuất thép thô tại Trung Quốc đạt 227 triệu tấn giảm 16.2% so với cùng kỳ và 6.8% so với quý 3 cho thấy việc cắt giảm mạnh tay được diễn ra trong bối cảnh Trung Quốc tổ chức Thế Vận hội mùa Đông năm 2022 vào đầu tháng 2.

Nhằm kích thích nền kinh tế phục hồi sau đại dịch, đầu tư công là công cụ, động lực quan trọng giúp các thành phần kinh tế hồi phục và tăng trưởng. Hòa Phát là một trong những doanh nghiệp được hưởng lợi khi cung cấp thép xây dựng cho một loạt các dự án đầu tư công trọng điểm.

Giá thép xây dựng của Hòa Phát có 3 đợt tăng giá tính từ đầu năm tới nay với lần lượt từng mức tăng là 200, 300, 300 đồng/kg, với mức tăng giá lũy kế 800đ/kg, giá thép hòa phát tăng 5% từ đầu năm.

Chúng tôi dự phóng doanh thu năm 2022 của HPG đạt 182.700 tỷ đồng (+22.1% YoY), lợi nhuận sau thuế đạt 30.550 tỷ đồng (-11.5% YoY). Với kỳ vọng nhu cầu tiêu thụ thép nhờ nhu cầu phục hồi, đẩy mạnh đầu tư công từ Chính phủ. Chúng tôi khuyến nghị MUA với giá mục tiêu 56.700 VNĐ/CP, upside 21.4%.

MUA Duy trì

Giá mục tiêu	VNĐ 56.700
Tăng/giảm	21.4%
Giá hiện tại (Feb 22)	VNĐ 46.700
Giá mục tiêu đồng thuận	
Vốn hóa (nghìn tỉ VNĐ/tỉ USD)	207/9

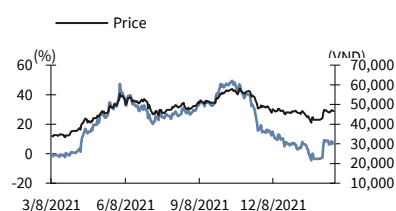
Dữ liệu giao dịch	
Tỉ lệ CP tự do chuyển nhượng (%)	55%
GTGD TB 3 tháng (tỉ VNĐ/triệu USD)	910/39
Sở hữu nước ngoài (%)	23.19%

Biến động giá cổ phiếu				
(%)	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	7	-3	-9	35
Tương đối	5	-7	-21	7

Dự phóng KQKD & định giá

FY-end	2019A	2020A	2021A	2022F
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	63.658	90.119	149.680	182.700
Lãi/(lỗ) từ HĐKD (tỷ VNĐ)	9.031	15.289	37.008	32.750
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	7.578	13.506	34.521	30.550
EPS (VNĐ)	2.700	4.007	7.718	6.831
Tăng trưởng EPS (%)	-32%	49%	89%	-11.5%
P/E (x)	20.29	13.67	6.01	6.79
P/B (x)	26.81	25.96	22.54	17.24
ROE (%)	16%	23%	37%	25%
Tỷ lệ cổ tức tiền mặt (%)	0%	5%	5%	5%

Tương quan giá cổ phiếu với VNINDEX

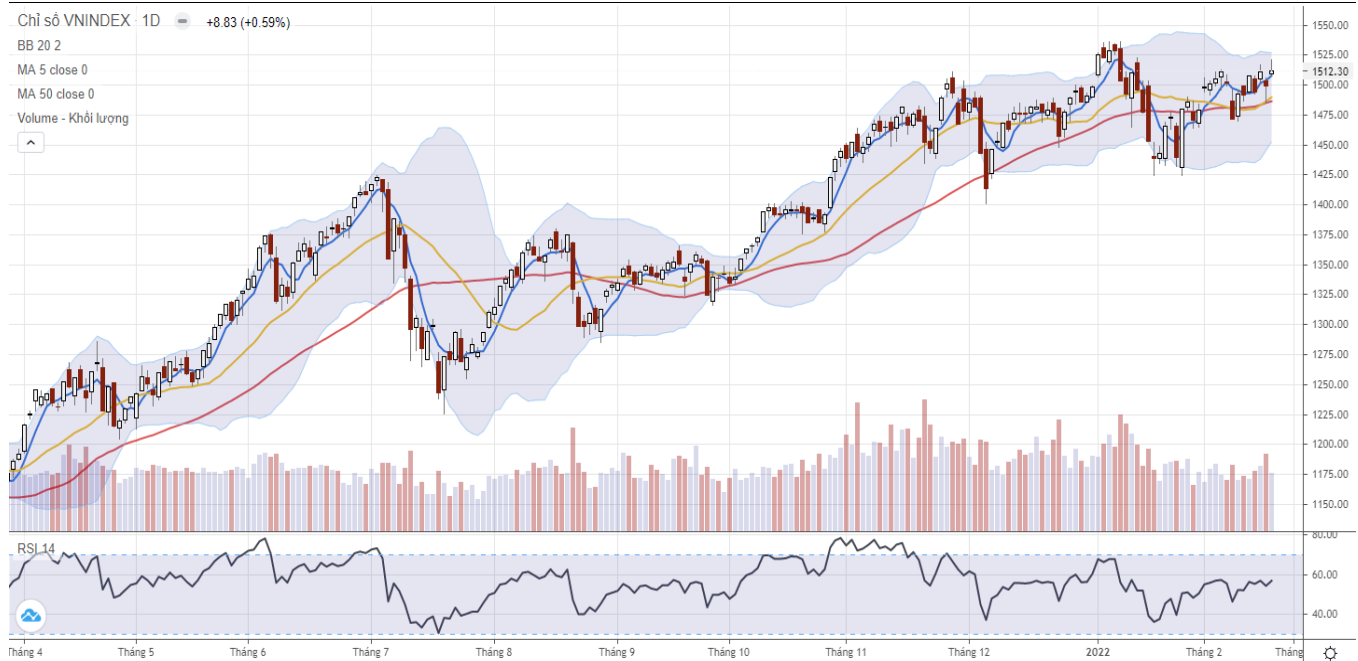


Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



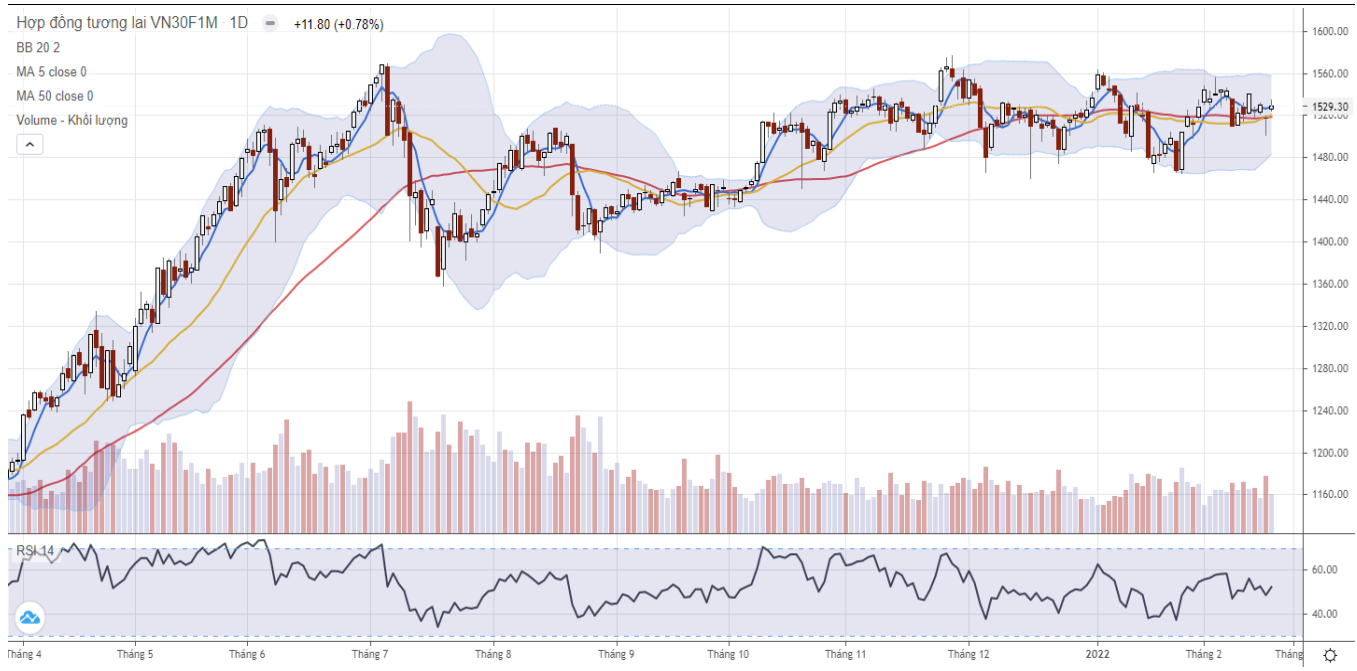
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm ngay từ đầu phiên với các nhịp tăng gồng đầu trước khi suy yếu và đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên
- Áp lực chốt lời quanh vùng kháng cự gần 152x khiến cho đà tăng điểm tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù vậy, với xu hướng tăng điểm vẫn đang đóng vai trò chủ đạo, cơ hội mở rộng đà tăng của chỉ số vẫn được đánh giá cao với vùng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 149x.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục quay vòng chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn tại vùng cản kế tiếp của các mã mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1548 – 1550

Kháng cự gần: 1536 – 1540

Hỗ trợ gần: 1521 – 1525

Hỗ trợ xa: 1510 – 1514

- F1 tăng điểm ngay từ đầu phiên với các nhịp tăng gồng đầu trước khi suy yếu và đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên
- Áp lực chốt lời quanh vùng kháng cự gần 154x khiến cho đà tăng điểm tích cực của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù vậy, với xu hướng tăng điểm vẫn đang đóng vai trò chủ đạo, cơ hội mở rộng đà tăng của chỉ số vẫn được đánh giá cao với vùng hỗ trợ gần đáng lưu ý quanh 150x.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Tiếp tục linh hoạt trading 2 chiều, Long tại hỗ trợ và Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở một phần trạng thái Long tại vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

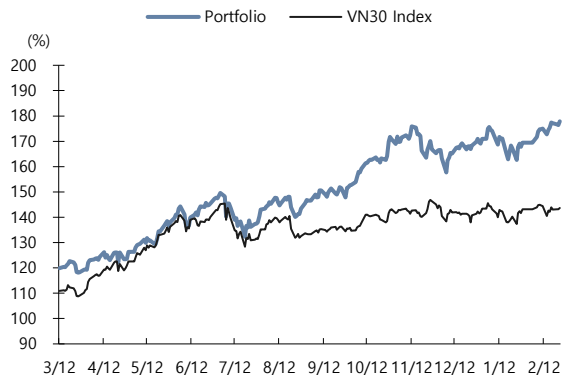
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.42%	0.86%
Tăng lũy kế (YTD)	43.71%	77.88%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Company	Date	Value	YTD Return	Weight	Notes
Mobile World (MWG)	09/08/2019	137,800	0.1%	78.3%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	54,800	1.5%	147.7%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	109,600	-0.4%	43.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	213,000	0.6%	10.9%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	74,500	4.1%	119.1%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	93,000	0.1%	219.5%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	01/31/2020	34,850	0.7%	84.3%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	117,000	0.4%	59.4%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	46,700	0.6%	222.6%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbạc City Development (KBC)	09/03/2020	57,300	0.9%	318.2%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DXG	4.1%	29.8%	72.9
VJC	3.8%	16.6%	53.6
VHM	0.1%	23.9%	49.5
GMD	-0.2%	43.4%	33.6
DCM	7.0%	5.6%	30.3

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	0.0%	54.4%	-82.0
PLX	0.8%	17.2%	-49.2
MSN	-0.2%	28.8%	-29.7
VGC	0.0%	4.0%	-19.5
NVL	-0.9%	7.1%	-21.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	2.4%	0.9%	3.3
PLC	1.8%	1.4%	2.5
SCI	0.6%	2.4%	1.9
PSD	3.3%	1.6%	1.2
VCS	1.3%	3.9%	0.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
TNG	3.1%	8.9%	-26.3
PVS	9.9%	9.0%	-5.0
THD	0.6%	1.6%	-3.9
LAS	3.2%	0.1%	-2.0
LHC	8.9%	18.5%	-1.3

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	7.0%	YEG, PNC
Y tế	6.6%	DHG, TNH
Dầu khí	6.2%	PLX, PVD
Bán lẻ	5.1%	MWG, FRT
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	3.9%	TMS, GMD

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	0.0%	BMI, BIC
Thực phẩm và đồ uống	0.4%	MSN, VNM
Ngân hàng	0.7%	EIB, SHB
Bất động sản	0.7%	VHM, VIC
Tài nguyên Cơ bản	1.6%	DTL, VPG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	16.0%	VJC, HVN
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	13.1%	GEX, GMD
Truyền thông	12.8%	YEG, PNC
Hóa chất	12.4%	GVR, DPM
Dịch vụ tài chính	11.4%	VND, SSI

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Ngân hàng	-3.7%	VCB, CTG
Bất động sản	-1.6%	VIC, VHM
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	5.9%	TBC, DRL
Thực phẩm và đồ uống	7.1%	HAG, VCF
Xây dựng và Vật Liệu	7.4%	VCG, LCG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	389,225 (17.1)	22.5	59.9	32.5	14.7	5.7	9.5	3.2	2.9	0.6	-0.5	13.6	-13.2
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	329,512 (14.5)	26.6	9.0	7.4	35.9	26.5	24.9	2.2	1.8	0.1	-0.8	0.0	-3.2
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	251,657 (11.1)	17.8	27.4	19.2	-7.6	9.1	10.3	2.4	2.3	1.2	1.7	5.4	15.9
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	195,893 (8.6)	31.3	26.3	17.9	6.7	13.9	15.1	4.3	3.1	-0.9	-0.9	-3.3	-14.9
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	60,852 (2.7)	11.6	23.3	17.1	18.0	15.6	24.2	3.3	2.7	0.4	0.6	6.5	6.1
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	316,632 (13.9)	13.9	16.3	19.5	-	14.9	12.5	2.4	2.3	4.1	7.9	19.5	15.4
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	160,481 (7.1)	6.3	16.8	13.5	11.7	20.6	20.8	3.0	2.5	0.1	-0.1	-2.6	10.3
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	155,114 (6.8)	12.7	18.1	12.6	-5.3	16.0	20.5	2.3	2.0	-0.9	1.0	-3.7	22.9
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	581,309 (25.6)	0.0	8.7	7.3	14.3	20.5	19.9	1.6	1.3	0.6	0.2	3.8	3.4
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	419,844 (18.5)	1.4	9.4	7.3	61.1	18.9	20.9	1.5	1.3	0.7	0.6	-2.0	2.8
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	513,126 (22.6)	0.0	10.7	8.6	18.8	16.2	16.3	1.7	1.4	1.0	0.7	4.7	0.3
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	680,033 (29.9)	0.0	8.8	7.4	14.6	22.3	21.1	1.7	1.4	-0.1	5.2	8.0	18.9
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	174,890 (7.7)	4.2	8.5	7.3	23.3	21.0	20.2	1.7	1.4	0.3	1.4	1.5	-3.9
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	871,355 (38.4)	14.0	13.3	9.8	26.5	13.1	16.8	1.7	1.4	-0.3	0.0	-2.9	6.7
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	308,898 (13.6)	0.0	9.4	7.6	37.5	22.2	23.8	2.1	1.7	2.7	5.4	6.5	3.8
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	35,060 (1.5)	0.2	71.9	23.9	27.3	3.1	9.1	2.2	2.1	-5.7	-7.8	-1.2	-2.1	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	43,215 (1.9)	21.0	20.5	15.1	15.8	9.6	11.9	1.8	1.7	2.3	0.3	9.7	2.9
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	12,967 (0.6)	14.2	23.2	18.4	9.1	10.8	13.1	2.2	2.0	0.8	-2.8	0.5	-12.4
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	371,109 (16.3)	55.4	21.6	20.4	-3.2	13.7	14.8	-	-	0.7	0.9	1.7	-12.5
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	137,199 (6.0)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	0.5	3.4	5.9	-15.8
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	103,775 (4.6)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	0.5	2.1	0.0	-16.3
	VND	VNDIRECT SECURIT	17,211	5,734 (249)	295,840 (13.0)	27.2	-	-	36.3	19.8	-	-	-	1.2	4.1	13.1	-9.3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	173,200 (7.6)	42.1	16.1	14.8	4.0	32.3	34.0	4.8	4.5	0.0	-0.5	-3.1	-7.4
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	28,710 (1.3)	36.9	26.7	22.3	7.3	19.6	21.4	4.6	4.2	0.8	0.8	14.7	12.5
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	134,444 (5.9)	16.5	30.1	21.5	-51.9	20.7	23.3	6.2	4.8	-0.2	-0.6	4.1	-8.1
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	96,074 (4.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-0.1	3.8	-8.3	-22.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	123,352 (5.4)	11.0	-	64.5	-88.5	1.0	10.1	-	-	3.8	6.5	21.5	15.5
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	94,276 (4.1)	10.8	21.9	20.4	-57.0	11.9	13.6	2.6	2.5	-0.2	5.5	24.0	10.1
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	363,148 (16.0)	38.4	18.9	8.9	65.7	8.2	15.7	1.6	1.4	4.0	20.0	-4.2	-24.5
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	137,799 (6.1)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	0.0	7.8	-5.0	-36.8
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	508,398 (22.4)	37.7	-	-	-13.2	11.9	14.9	-	-	0.3	0.9	2.6	-3.2
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	62,718 (2.8)	3.6	18.5	18.3	-52.4	4.7	4.6	0.9	0.9	2.3	4.2	10.6	-10.2
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	37,120 (1.6)	0.0	11.2	9.5	-4.5	14.4	14.8	1.6	1.4	4.1	3.0	13.6	7.8

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	121,316 (5.3)	46.1	18.9	17.0	-17.5	21.9	23.7	4.0	3.7	0.4	2.2	8.9	21.6
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	11,633 (0.5)	31.4	13.0	11.0	-10.5	14.9	16.6	1.6	-	-0.4	-1.4	3.2	-9.3
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	4,326 (0.2)	34.1	14.0	8.8	-5.1	10.3	16.7	1.4	1.4	-0.2	0.2	0.4	-6.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	841,968 (37.1)	18.0	6.8	6.8	21.9	29.4	24.2	1.7	1.4	0.6	1.5	7.9	0.6
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	202,994 (8.9)	36.5	11.8	16.5	-0.5	17.4	11.7	1.9	1.7	7.0	4.8	18.5	1.4
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	107,829 (4.7)	46.5	12.6	15.2	-4.5	19.9	14.6	2.3	2.0	7.0	4.9	14.2	-12.3
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	243,809 (10.7)	38.9	6.0	6.6	67.9	24.8	19.7	1.3	1.1	2.1	0.3	13.2	-2.3
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	75,537 (3.3)	97.2	19.8	17.7	17.2	-	-	1.2	1.2	0.6	0.8	2.3	-10.1
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	161,183 (7.1)	4.6	20.4	18.4	-51.0	15.5	16.7	3.2	2.9	0.8	5.9	14.1	16.0
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	254,873 (11.2)	39.9	31.3	15.2	-11.9	3.5	6.6	1.0	0.9	4.5	7.7	-1.0	13.0
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	59,561 (2.6)	35.9	9.6	8.0	1.2	16.7	16.3	1.4	1.1	6.9	8.3	14.0	3.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	134,314 (5.9)	0.0	15.8	13.5	13.7	27.8	28.4	4.0	3.5	0.1	3.7	3.5	1.4
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	103,739 (4.6)	0.0	18.4	15.0	2.4	21.5	21.7	3.6	3.0	-0.4	3.1	14.8	13.9
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	8,039 (0.4)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	2.1	19.5	28.9	-3.9
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	120,428 (5.3)	30.3	29.5	23.8	-75.2	19.9	21.5	6.5	5.8	0.5	23.8	40.5	16.4
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	55,554 (2.4)	34.6	11.1	-	41.2	28.0	-	-	-	-0.6	1.8	4.0	16.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	4,569 (0.2)	45.4	19.8	18.5	10.7	19.3	18.8	3.5	3.2	0.9	13.0	12.6	1.8
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	87,774 (3.9)	0.0	16.5	14.4	15.5	25.8	27.5	3.9	3.7	0.1	1.9	5.4	0.0

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở
ngaphb@kbsec.com.vn

Lê Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng
tungla@kbsec.com.vn

Nguyễn Ngọc Hiếu
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng
hieunn@kbsec.com.vn

Phạm Nhật Anh
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics
anhpn@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.